

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-ST

ngày 22-9-2022.

‘V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng’

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Minh Phúc và bà Nguyễn Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phú - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ An - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2022/QĐST-DS ngày 26/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C; địa chỉ: Tòa nhà CC5, Bán đảo Linh Đàm, HL, HM, Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Hải Hà - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C thị xã Q là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016). Có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ: Khu phố 2, phường 1, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2022 nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/12/2019, Phòng giao dịch Ngân hàng C thị xã Q phê duyệt cho vay 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) đối với ông Lê Văn T. Quá trình kiểm tra sau cho vay, cán bộ tín dụng đã phối hợp với chính quyền địa phương, Tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn, Hội cựu chiến binh phường 1, thị xã Q - đơn vị nhận uỷ thác, lập biên

bản về việc ông Lê Văn T không thực hiện trả nợ, trả lãi theo cam kết. Mặc dù đã được cán bộ ngân hàng đôn đốc nhắc nhở nhiều lần nhưng ông Lê Văn T không thực hiện trả nợ, trả lãi theo quy định. Ông Lê Văn T đã vi phạm cam kết vay vốn, đây đưa không trả nợ cho Ngân hàng C để thu hồi tài sản cho Nhà nước, nay Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Q giải quyết buộc ông Lê Văn T phải trả nợ cho Ngân hàng C số tiền 55.387.584 đồng (Năm mươi lăm triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm tám mươi bốn đồng). Trong đó, tiền gốc: 50.000.000 đồng; tiền lãi tính đến ngày 13/5/2022 là 5.387.584 đồng và lãi phát sinh sau ngày 13/5/2022.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 22/9/2022 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nội dung cho vay tại Hợp đồng tín dụng số: 84/2019/HĐ-TD ký ngày 10/12/2019 giữa Ngân hàng C và ông Lê Văn T cụ thể như sau:

Tổng số tiền cho vay là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng); mục tiêu hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm cho 01 người; thời hạn cho vay là 60 tháng; hạn trả nợ cuối cùng ngày 15/12/2024; lãi trong hạn là 7,92%/năm, lãi quá hạn là 10,296%/năm, tiền lãi thu hàng tháng kể từ sau tháng nhận khoản vay đầu tiên. Kỳ hạn trả nợ gốc: Ngày 14/6/2020 số tiền phải trả là 5.000.000 đồng; ngày 14/12/2020 số tiền phải trả là 5.000.000 đồng; ngày 14/6/2021 số tiền phải trả là 5.000.000 đồng; ngày 14/12/2021 số tiền phải trả là 5.000.000 đồng; ngày 14/6/2022 số tiền phải trả là 5.000.000 đồng; ngày 14/12/2022 số tiền phải trả là 5.000.000 đồng; ngày 14/6/2023 số tiền phải trả là 5.000.000 đồng; ngày 14/12/2023 số tiền phải trả là 5.000.000 đồng; ngày 14/6/2024 số tiền phải trả là 5.000.000 đồng; ngày 14/12/2024 số tiền phải trả là 5.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn chỉ mới tạm tính bị đơn còn nợ lãi đến ngày 13/5/2022 là 5.387.584 đồng, nay nguyên đơn bổ sung yêu cầu bị đơn phải trả thêm tiền nợ lãi từ ngày 14/5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/9/2022.

Từ khi vay đến nay, ông Lê Văn T không trả nợ tiền gốc. Dư nợ gốc đến ngày 22/9/2022 là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), do đó ông Tuấn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc kể từ ngày 14/6/2020. Trong thời gian vay vốn, ông Tuấn chỉ trả cho Ngân hàng số tiền lãi là 4.506.992 đồng (bốn triệu năm trăm lẻ sáu nghìn chín trăm chín mươi hai đồng). Tính đến ngày 22/9/2022, ông Lê Văn T còn nợ Ngân hàng C số tiền lãi trong hạn là 6.461.666 đồng (sáu triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng), tương đương hơn 23 tháng không trả tiền lãi, do đó ông Tuấn cũng vi phạm nghĩa vụ trả lãi.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lê Văn T phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi còn nợ là: 56.461.666 đồng (năm mươi sáu triệu bốn trăm sáu

mười một nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng) và đề nghị Tòa án buộc ông Lê Văn T phải chịu lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số: 84/2019/HĐ-TD ký ngày 10/12/2019 kể từ ngày 23/9/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản vay.

Ông Lê Văn T trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, vẫn bản gửi cho Tòa án.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Quá trình thụ lý, xét xử vụ án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C, buộc bị đơn ông Lê Văn T phải trả cho Ngân hàng C số tiền: 56.461.666 đồng, trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng, nợ lãi là 6.461.666 đồng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (22/9/2022).

Buộc bị đơn ông Lê Văn T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C đề ngày 13/5/2022, Tòa án nhân dân thị xã Q xác định về quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hợp đồng được giao kết và thực hiện thanh qua Ngân hàng C và bị đơn cư trú tại khu phố 2, phường 1, thị xã Q. Do đó, theo quy định của điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thị xã Q thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Văn T thường xuyên vắng mặt nơi cư trú, nên Tòa án đã không tổng đạt được trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn ông Lê Văn T, Tòa án đã làm thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, nhưng ông Tuấn vẫn vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Tại phiên tòa lần thứ nhất ông Tuấn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa lần thứ hai ông Tuấn vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Hợp đồng tín dụng số: 84/2019/HĐ-TD ngày 10/12/2019 được ký kết giữa Ngân hàng C và bị đơn ông Lê Văn T là hợp pháp, vì thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định giao dịch dân sự nói chung, cũng như các điều kiện có hiệu lực của Hợp đồng tín dụng theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng nên có giá trị bắt buộc với các bên tham gia giao dịch.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về khoản nợ gốc: Theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 84/2019/HĐ-TD ký ngày 10/12/2019 thì bị đơn phải trả số tiền gốc vào ngày 14/6/2020 là 5.000.000 đồng; ngày 14/12/2020 là 5.000.000 đồng; ngày 14/6/2021 là 5.000.000 đồng; ngày 14/12/2021 là 5.000.000 đồng; ngày 14/6/2022 là 5.000.000 đồng; ngày 14/12/2022 là 5.000.000 đồng; ngày 14/6/2023 là 5.000.000 đồng; ngày 14/12/2023 là 5.000.000 đồng; ngày 14/6/2024 là 5.000.000 đồng; ngày 14/12/2024 là 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, từ khi vay đến nay ông Lê Văn T không trả nợ tiền gốc. Dư nợ gốc đến ngày 22/9/2022 là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Do đó ông Tuấn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc kể từ ngày 14/6/2020. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C về việc đòi nợ gốc là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận. (Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự).

Về khoản nợ lãi: Tại Hợp đồng tín dụng số: 84/2019/HĐ-TD ký ngày 10/12/2019 thì thỏa thuận lãi trong hạn là 7,92%/năm, lãi quá hạn là 10,296%/năm. Tiền lãi thu hàng tháng kể từ sau tháng nhận khoản vay đầu tiên. Trong thời gian vay vốn, ông Tuấn có trả cho Ngân hàng số tiền lãi là 4.506.992 đồng (bốn triệu năm trăm lẻ sáu nghìn chín trăm chín mươi hai đồng). Tính đến ngày 22/9/2022, ông Lê Văn T còn nợ Ngân hàng C số tiền lãi trong hạn là 6.461.666 đồng (sáu triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng), tương đương hơn 23 tháng không trả tiền lãi, do đó ông Tuấn cũng vi phạm nghĩa vụ trả lãi. Xét hợp đồng tín dụng được xác lập và thỏa thuận mức lãi suất trong hạn trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, phù hợp quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền lãi còn nợ tính đến ngày 22/9/2022 (ngày

xét xử sơ thẩm) là 6.461.666 đồng (sáu triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng) là có cơ sở.

Như vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền gốc chưa trả và số tiền còn nợ lãi tính đến ngày xét xử (22/9/2022) là 56.461.666 đồng (năm mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng), buộc bị đơn phải chịu lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số: 84/2019/HĐ-TD ký ngày 10/12/2019 kể từ ngày 23/9/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản vay.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C.

Buộc bị đơn ông Lê Văn T phải trả cho Ngân hàng C số tiền 56.461.666 đồng (năm mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), tiền nợ lãi tính đến ngày 22/9/2022 là 6.461.666 đồng (sáu triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (22/9/2022), cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án ông Lê Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 84/2019/HĐ-TD ký ngày 10/12/2019.

2. Về án phí: Buộc bị đơn ông Lê Văn T phải chịu 2.823.083 đồng (hai triệu tám trăm hai mươi ba nghìn không trăm tám mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND thị xã Q;
- Chi cục THADS thị xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Minh Phúc

Nguyễn Thị Hoa

Phan Thị Hạnh